

THÁNH BỘ TRUYỀN BÁ ĐỨC TIN

Nhấn Nhủ Các thừa sai

MONITA AD MISSIONARIOS

CÔNG ĐỒNG YUTHIA 1664

Tác giả: François Pallu - Lambert de la Motte

Lời Nói Đầu

Vào đầu thế kỷ XVII, sau khi thành lập Thánh Bộ Truyền Giáo (1622) Giáo Hội bày tỏ ước vọng mãnh liệt thúc đẩy việc truyền giáo. Đồng thời Tòa Thánh muốn giành lại việc điều hành xứ truyền giáo mà trước đây Đức Alexandre VI đã giao độc quyền cho hai nước Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha, từ hiệp ước Tordesillas (1494). Tòa Thánh hân hoan đón nhận các đề nghị của Linh Mục Alexandre de Rhodes dòng Tên, khi ngài đến Rôma khoảng năm 1650. Mục đích của ngài là để biện hộ cho việc gửi các Giám Mục đến Á Châu. Họ sẽ lãnh trách nhiệm đào tạo hàng giáo sĩ bản địa nhằm bảo đảm việc coi sóc các bản đạo và đủ khả năng sống còn trong thời buổi bách hại. Nhưng lúc đó, Bộ Truyền Giáo không được sự ủng hộ lẫn thiếu phương tiện, và các Giáo Hoàng vẫn ngần ngại không dám quyết định, sợ gây ra xung đột với các nước Tây và Bồ.

Vào năm 1653, Alexandre de Rhodes đến Pháp để truyền bá ý định của mình. Sự biện hộ cho việc cử các Giám Mục đến Á Châu được đón nhận nhanh chóng và mang lại một sự thành công thấy được nơi hàng giáo sĩ ở Paris. Ngài cũng tìm được những người tình nguyện đến từ các giáo sĩ trẻ của Hội Ái Hữu. Các thành viên của Dòng Thánh Thể, từ lâu nay vẫn mong mỏi cộng tác vào công cuộc truyền giáo, quyết định dùng ảnh hưởng và phương tiện của mình thực hiện dự án tốt đẹp này. Họ gửi các đơn thỉnh cầu lên các Đức Innocent XI và Alexandre VII. Các Giám Mục và giáo hữu ở nước Pháp cũng đã can thiệp vào. Một cuộc vận động cuối cùng của Dòng Thánh Thể và của Hội Ái Hữu đi đến chỗ thuyết phục được các Hồng Y ở Bộ Truyền Giáo: Bốn vị Giám Mục được bổ nhiệm với tước hiệu Giám Mục Tông Tòa. Đó là các Đức cha Francois de Laval Montmorency, Đức cha François Pallu, Đức cha Lambert de la Motte và Đức cha Ignace Cotolendi. Một trong bốn vị trên là Đức cha Francois de Laval Montmorency, đã được cử đến Canada với tư cách là Giám Mục Tông Tòa. Chính ngài đã đóng góp rất nhiều vào việc thành lập Chủng viện của Hội thừa sai Balê, nhưng sau đó xứ truyền giáo Canada được tách ra để hoạt động độc lập. Ba vị Giám Mục Tông Tòa còn lại thì lên đường sang Á Châu. Đức cha Fr. Pallu làm Giám Mục Tông Tòa Đàng Ngoài, kiêm các tỉnh của Trung Hoa giáp ranh (xứ Đàng Ngoài); Đức cha Lambert de la Motte làm Giám Mục Tông Tòa Đàng Trong kiêm các tỉnh Miền Nam Trung Hoa; Đức cha Ignace Cotolendi làm Giám Mục Tông Tòa Nam Kinh, kiêm các tỉnh phía Đông Trung Hoa, xứ Tartarie và Triều Tiên. Trước khi lên đường nhận nhiệm sở, các vị đã nhận được từ Đức Alexandre VII những chỉ thị rất chính xác trong Huấn dụ năm 1659. Tựu trung có 3 điểm chính: Thiết lập hàng giáo sĩ

bản địa càng đông cũng như được đào tạo càng kỹ lưỡng càng tốt; Khả năng thích nghi với phong tục tập quán địa phương; Và không được có quyết định quan trọng nào khi chưa tham khảo với Rôma.

Đức cha Lambert de la Motte rời nước Pháp vào tháng 6.1660, còn Đức cha Cotolendi khởi hành vào tháng 7.1661. Cuối cùng Đức cha Pallu cũng lên đường vào ngày 3 tháng 01 năm 1662. Mỗi GM đều có thêm một số Linh Mục và giáo dân đi theo. Tính tổng cộng có 17 vị thừa sai (Giám mục+ Linh mục + giáo dân) đã rời nước Pháp để đến Á Châu. Tám vị đã chết dọc đường, trong số đó có Đức Cha Cotolendi và ngài được chôn cất ở bờ biển Đông Ấn. Những vị sống sót cuối cùng đã tới được Ayuthaya, thủ đô Vương Quốc Siam, một trong những vùng hiểm hoi mà người ngoại quốc có thể cập bến an toàn. Các vị Giám Mục Tông Toà này được coi như những sáng lập viên của Hội thừa sai Balé. Trước khi rời nước Pháp, họ đã không tự đặt ra cho mình những qui tắc ứng xử và cũng không vạch ra những luật lệ cho những vị thừa sai đồng hành. Họ vừa không biết ngôn ngữ địa phương, vừa không có kinh nghiệm về cuộc sống truyền giáo lại không am tường nào trạng các sắc tộc mà họ sẽ gặp. Do đó họ chờ đến khi tới được nhiệm sở rồi mới đưa ra những điều lệ đã được thỏa thuận chung “để mỗi người tuân giữ dễ dàng hơn những điều mà chính mình đề ra hoặc ít ra đã được phê chuẩn”.

Trước tiên họ đã tìm nguồn cảm hứng trong việc tĩnh tâm và sám hối, họ cầu nguyện, ăn chay trong nhiều ngày, khai mạc các cuộc họp bằng việc cử hành thánh lễ cầu xin Chúa Thánh Thần, tiếp đến họ phân phát các đề mục sẽ được bàn thảo và không quên dặn dò “Mỗi người hãy củng cố tất cả các phương châm và các quyết định về các đề mục này dựa vào Kinh Thánh, Giáo Luật và các Hiến Chế của các Đức Giáo Hoàng, học thuyết của các Giáo Phụ, dựa theo hạnh các thánh, nhất là hạnh thánh Fr. Xavier”. Từ những công việc được thảo luận chung và được phối hợp chặt chẽ này, một quyển sách đã ra đời với nhan đề: Những Chỉ Dẫn để chu toàn nhiệm vụ Tông đồ, rất có ích cho các xứ truyền giáo Trung Hoa, Đàng Ngoài, Đàng Trong, Siam. Những chỉ dẫn này được soạn thảo do các vị thừa sai thuộc Thánh Bộ Truyền Giáo tại Ayuthaya, thủ đô Vương Quốc Siam.

Thần học gia lỗi lạc Jean Bonna, cha sở St. Bernard, kiêm cố vấn thần học Thánh Bộ đã tuyên bố rằng: Quyển Monita “Tràn đầy tinh thần tông đồ, phù hợp với đức tin truyền thống Công Giáo và cần thiết cho các Linh mục đang làm việc tại các xứ truyền giáo vì phần rỗi những người chưa tin”. Đức Clément IX đã phê chuẩn cuốn sách này kèm theo lời khen ngợi và được Bộ Truyền Giáo cho xuất bản năm 1669. Sau đó, cuốn Monita được tái bản nhiều lần tại nhà in của Bộ Truyền Giáo, và kể từ cuối thế kỷ XIX, được in lại từ nhà in của Hội thừa sai Balé tại Hồng Kông. Hội thừa sai Balé xuất bản lần đầu năm 1893 dưới nhan đề ngắn gọn: “Monita ad Missionarios S. Congregationis de Propaganda Fide” Những Chỉ Dẫn cho các vị thừa sai của Bộ Truyền Giáo.

Vào năm 1920, cha Albert Geluy, thừa sai thuộc Dòng Trái Tim Vẹn Sạch Đức Mẹ (Scheut), đã dịch cuốn Monita sang tiếng Pháp. Bản dịch này, vẫn giữ nguyên vẹn giá trị và được giữ nguyên trong lần tái bản này.

Ước gì cuốn Monita, trước đây được dùng như cẩm nang cho các Linh mục thuộc Hội thừa sai Balé, từ thế kỷ XVII, nay vẫn còn là sức mạnh dẫn đường cho các vị truyền giáo trên khắp thế giới.

Dẫn nhập

Tại sao lại đi tái bản một bản văn đã ra đời hơn 3 thế kỷ trước? Và trên nữa, lại vào một thời kỳ bị ám ảnh bởi cái mới, bởi cái nhìn về tương lai, “cho dù ngay cả khi ta gọi lại hình ảnh tự tin của cụ bà khéo léo pha café hay nét mặt của bà mẹ giỏi dọn sẵn những thứ mứt ngon như xưa”. Có phải ta muốn chứng minh cho sự quyến luyến không suy xét, không đắn đo và phi lý vào quá khứ? Và qua đó, không đánh giá đúng sự cần thiết của đường lối canh tân do Giáo Hội khởi xướng tại Công Đồng Vat II? Và đối với những vấn đề có liên quan đến công việc truyền giáo, có phải như vậy là không biết đến những đòi hỏi cấp bách của vấn đề mà người ta gọi là Hội Nhập Văn Hóa, không thèm để ý đến những yêu sách chính đáng của các Giáo Hội địa phương đang đi tìm cho mình một bản sắc văn hóa đặc thù?

Nhưng có lẽ ta cần nhìn đến một khía cạnh khác. Đó chính là hiểu rõ hơn về lịch sử, về thân phận mỏng giòn chóng qua của chúng ta, về mối giao lưu giữa các nền văn hoá, các nền văn minh và các tôn giáo khác nhau, trong khi ta vẫn ý thức đây là một cuốn sách được viết vào một thời điểm quan trọng trong lịch sử của chúng ta. Có lẽ chúng ta bị tiềm nhiễm một cách vô thức bởi một ý thức hệ sai lạc và ngây ngô chỉ coi thời gian như sự tiến bộ.

Lévi-Strauss có lý khi tố cáo ý thức hệ này như là gắn bó với chủ nghĩa phân biệt chủng tộc trong quyển tiểu luận của ông dưới nhan đề: “Chủng tộc và Lịch sử”. Các nhà kinh viện thời Trung Cổ, thường bị coi là những kẻ tôn sùng các tác giả xưa, cũng có thái độ tinh tế hơn khi nhận định rằng: “Chúng ta sẽ không bao giờ tìm thấy chân lý nếu chúng ta hài lòng với việc đặt những bước chân của chúng ta vào những dấu chân của người đi trước. Chúng ta nhìn xa hơn họ, bởi lẽ chúng ta là những người lùn đứng trên vai những người khổng lồ”.

Cứ nghĩ trung thực là theo kiểu lập lại hoặc sao chép lại, thì không biết gì về trung thực cả. Cho rằng cứ gạt phăng quá khứ, thì cũng coi như tự huỷ hoại tay chân mình và đắm mình vào ảo ảnh. Ngày nay khi tiếp xúc với bản văn do các sáng lập viên của chúng ta biên soạn, chúng ta không có chủ đích lưu giữ một quá khứ bằng cách lập lại nó. Đồng thời chúng ta cũng không muốn tranh cãi những thiếu sót hoặc những gì chưa thỏa đáng của nó, chúng ta chỉ đảm trách tiến trình mà cha ông chúng ta chưa hoàn thành, với óc phê bình và xây dựng. Lịch sử luôn vận hành và trong lịch sử chỉ có chân lý khi đã được tiên đoán và chỉ có sự vô tội khi đã được tha thứ.

Đức tin, sự lắng nghe và đón nhận Lời Chúa đã được thực hiện nơi Đức Giêsu luôn gắn liền với thời đại, sẽ giúp ta hướng về tương lai, về bản ngã tự do của chúng ta bằng cách vận dụng mọi tiềm năng không ngừng được ban phát cho chúng ta. Nếu đức tin là đón nhận Lời Chúa thì nó rất dễ hiểu và gắn gũi với biểu tượng của hạt giống gieo vào lòng đất. Ở đây ta phải cảnh giác với cả tham vọng muốn đồng hóa hạt giống với những hình thức nay mai, lẫn quyết đoán cho rằng mùa gặt đã xong. Cuốn sách của chúng ta được ra đời từ một khởi xướng và từ một sự liêu bực khó khăn trong một giai đoạn lịch sử mà nó không khởi đầu cũng không kết thúc. Cái bắt hủ mà ta còn khám phá trong cuốn sách chính là lời mời gọi tiếp tục cuộc hành trình trong lịch sử mà nó chỉ chứng thực chứ không khởi xướng. Đối với con người, cái vĩnh cửu có vị trí của nó trong cái nhất thời, cũng như cái phổ quát có chỗ đứng của nó trong cái đơn chiếc và cái đặc thù. Một lối nhìn như thế đòi hỏi phải có sự rành mạch và biện phân nhưng không được tách biệt. Khi đưa Lời Chúa vào thời gian, Đức tin trở thành nguồn mạch của sự vĩnh cửu, cũng như khi đưa Lời Chúa vào cái cá biệt thì Lời Chúa trở nên căn nguyên đưa đến sự cởi mở và gặp gỡ. Mỗi dân tộc đều có khuynh hướng đồng nhất hoá mình với mẫu chung CON NGƯỜI, cũng như đồng nhất hoá văn hoá riêng của mình vào nền VĂN HÓA phổ quát, tôn giáo của mình vào nền TÔN GIÁO chung, trong khi ta lại quên rằng: Con người vượt qua con người, không có định nghĩa nào diễn tả đúng mức của nó được. Sự đón nhận Lời Chúa phải dẫn đưa con người, không phải đến chỗ thần thánh hoá sự hiểu biết sẵn có, coi nó như một sự tuyệt đối, trái lại phải sẵn sàng lắng nghe. Mọi Hòa nhập văn hoá đều có giới hạn. Không có và cũng không thể có một nền “Văn Hoá Kitô Giáo”, hay nói cách khác, không có sự diễn dịch tương xứng với Lời Chúa. Tất cả các nền thần học đều bị tiêm nhiễm bởi ý thức hệ và bị giằng co với cái mà nó đang kiếm tìm...

Một trong những giá trị không phải là nhỏ của cuốn sách trên là biến sự cầu nguyện thành những đôi tay chấp lại, biết từ bỏ sự chiếm đoạt, biến sự suy gẫm Tin Mừng không bao giờ được hiểu cách thỏa đáng thành nguồn phê bình và nguyên lý của mọi công cuộc rao giảng. Ta còn phải tránh chen vào chữ “cầu nguyện” những khuôn mẫu tưởng như quen thuộc. Cầu nguyện, mà ta muốn nói ở đây, phải làm bật lên một cung cách khi đối diện với Tin Mừng, Lời đã được gieo mà mảnh đất đón nhận chính là con người với lý trí và những tiềm năng có thể có được trong hành trình...

Hoàn toàn không có đối nghịch giữa công việc trí thức nhờ vào những công cụ và phương thức phải dùng với thái độ đức tin và chiêm niệm. Để lấy lại một tham chiếu đã trở thành khuôn mẫu: Những ý tưởng “tuyệt cú mèo” của triết gia thường bay lượn khi màn đêm buông xuống, và bà Maria cũng chẳng kém phần “tích cực” so với bà Martha. Những Giám Mục Tông Tòa coi việc học và thấu đáo những ngôn ngữ, những nền văn hoá và các tôn giáo, như là một mệnh lệnh tuyệt đối. Vậy mà cũng chẳng thiếu kẻ cho rằng những điều nói trên là những đòi hỏi mới có đây, và như thế tự biến mình thành trò cười, vì tưởng rằng mình sáng chế ra “dây lạt cắt bánh chưng”. Có lẽ nền thần học Tây Phương đã kém hiểu biết hoặc đánh giá thấp thuyết lấy chủng tộc mình làm nền văn hoá (vd: Trung Hoa), trong khi chính nền thần học này cũng rất giống với thuyết trên mà không hay và vẫn con tiếp tục cố võ...

Ưu tư của các Giám Mục Tông Tòa là muốn tách việc truyền giáo ra khỏi những việc thương mại. Lý do là muốn bày tỏ và duy trì tính ưu việt và nhưng không của Tin Mừng. Phải thấy ở đây là không có coi khinh kinh tế, mà đúng hơn là đề phòng sự độc hại của nó một khi nó thống trị tất cả. Không được quên rằng các Giám Mục Tông Tòa sống vào một thời buổi mà người ta bắt đầu ý thức về tầm mức quan trọng của sức mạnh kinh tế. Vào năm 1615, Montchrestien đã xuất bản cuốn Chuyên Luận Kinh Tế Chính Trị Học nổi tiếng của ông ta, lập tức các Giám Mục Tông Tòa đã phản ứng chống lại khi nhận thấy có sự “mập mờ đánh lận con đen” giữa kinh tế và truyền giáo. Nhưng sau Montchrestien, lại xuất hiện A. Smith, K. Marx, Phong trào O.M.C và những ý thức hệ mà họ đang theo đuổi và phát động. Vị thừa sai không dính dáng chút nào đến kinh tế, thái độ này đã đủ chưa? Giải pháp đề nghị là tùy thuộc vào mức độ nhận thức những tác dụng tiêu cực thấy được.

Giải pháp trên cũng không tránh khỏi những phê phán của các khoa nhân chủng, xã hội, văn hoá hoặc tôn giáo. Con người có đạo hay không đều phải giải đáp những vấn nạn mà họ gặp. Những vấn nạn này lại nằm ngay trong những câu trả lời có sẵn. Nếu ta quá háp tấp muốn thoát ra khỏi sự phức tạp của vấn đề thì lại bị câu trả lời mê

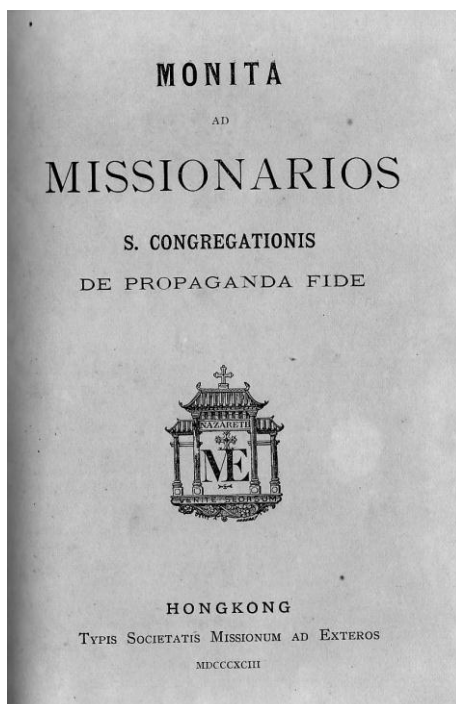
hoặc mà không lưu ý đến lời cảnh cáo của K.Marx trong cuốn Vấn đề Do Thái: “Chính cách đặt vấn đề đã bao hàm câu giải đáp”. Các tác giả của Monita có thể không biết nhiều về những hình thức đa dạng của bạo lực khi chủ trương đức khiêm nhường là nhân đức chính yếu của vị thừa sai, cũng chính là nhân đức lắng nghe và quan tâm đến người khác.

Nhưng họ không hề do dự phân bác và lên án việc dùng bạo lực để rao giảng Tin Mừng. Dù không muốn đụng đến “những chuyện đã xảy ra bên Ấn Độ nơi thiên hạ sử dụng vũ lực”. Các ngài đã tố cáo các thừa sai không biết hổ thẹn khi thốt ra những lời nói đại loại như: “Đừng có mong chờ gì ở chòm chìa khóa của thánh Phêrô để làm cho lương dân trở lại, nếu không sử dụng thanh gươm của thánh Phaolô đi trước mở đường”.

Vào thời kỳ này, người ta đã có một cái nhìn mới về quyền lực. Quyển De Cive của Hobbes, được dịch sang tiếng Pháp xuất hiện vào năm 1640. Đối với các vị Giám Mục Tông Tòa, Tin Mừng và Tự Do luôn đi đôi với nhau. Một trong những lý do thành lập Bộ Truyền Giáo năm 1622, là tách việc truyền giáo ra khỏi chính trị. Sự cảnh giác về việc sử dụng “những phương tiện trần thế” có thể làm chúng ta ngạc nhiên, nhưng phải hiểu đó là ước muốn được tự do để rao giảng Tin Mừng. Những phương tiện trần thế bao gồm tất cả những gì có thể làm tổn hại hoặc che khuất ánh sáng Tin Mừng. Sự hiểu biết ngôn ngữ, văn hoá, và các tôn giáo được trình bày như là một mệnh lệnh cấp bách. Người ta có thể cho rằng ở đây còn thiếu một sự suy nghĩ thỏa đáng về những điều kiện giúp đối thoại một cách chân thực. Nhưng về điểm này, ngay cả ngày hôm nay, chúng ta đã vượt qua được những luận điệu mà tính chỉ thị và hô hào, hoặc những mô hình pha trộn ít nhiều tạm bợ chưa?

Cần thêm một vài nhận xét để tiếp tục cách đọc Monita. Nếu các Giám Mục Tông Tòa đã tìm được ngay trong Kinh Thánh chất men phê phán đã từng dẫn dắt các ngài trong việc truyền giáo, thì việc gạt bỏ các sắc dân, nền văn hoá, tôn giáo của họ sẽ không ngừng làm cho các ngài phải thất vọng. Các ngài chủ trương tìm ra những điểm đồng nhất (những mẫu số chung), những điểm đồng thuận, nhưng các ngài cũng nhận ra ngay là có một số công thức diễn tả đức tin, vì thiếu sự đồng thuận văn hoá đã khiến nhiều người lui bước, khó chấp nhận. Các ngài cũng cố gắng tiếp cận với thuyết luân hồi khi trình bày tội Nguyên Tổ. Những quan điểm như thế, mặc dù còn rụt dè và “áp úng”, có lẽ đã mở ra một hướng đi (cho việc truyền giáo). Ta cần làm quen tiếp cận với những xác quyết nhằm giải quyết các vấn đề hơn là đối đầu trực tiếp. Việc đưa Tin Mừng hòa nhập vào nền văn hóa Tây Phương đã có thể là sự “chiếm đoạt”, và do vậy đã đi tới chỗ củng cố một thứ chủ thuyết lấy chủng tộc mình làm cái nôi, lại vừa tố cáo phản ngược lại (chủ thuyết ấy)...mọi ý thức hệ, ngay cả một ý thức hệ được hình thành nhờ tiếp xúc với Tin Mừng, cũng phải chịu sự phê phán của Tin Mừng.

G. Espie



THƯ ĐỀ TRÌNH ĐỨC THÁNH CHA CLÉMENT IX.

Kính trình Đức Thánh Cha,

Từ lúc mà Thiên Chúa nhân từ đã đoái thương gọi chúng con đi truyền giáo, mặc dù chúng con bất xứng; và từ lúc mà vị Tiền nhiệm của Đức Thánh Cha, Đức Alexandre VII đáng nhớ, đã cất nhắc chúng con lên hàng Giám Mục và sai chúng con đến với lương dân giúp họ trở lại, thì không điều gì khiến chúng con quan tâm hơn là đem hết sức lực để hoàn thành sứ mạng cao quý và quan trọng này. Chúng con đã nghe nhiều, chúng con đã đọc nhiều, chúng con cũng đã quan sát tường tận tại các cuộc họp với những anh em đồng nhiệm từ các xứ truyền giáo, và nhờ kinh nghiệm chúng con đã xem xét kỹ lưỡng tất cả các tường trình. Một biến cố “*thuận lợi*” chưa chắc đã giúp ích cho chúng con bằng việc chúng con phải bị bắt buộc dừng lại lúc vừa đến ranh giới lãnh thổ được giao phó. Ý Chúa quan phòng đã làm chậm lại những nỗ lực của chúng con để chúng con cùng nhận ra điều phải làm hoặc phải tránh, đồng thời sự quan phòng cũng bảo đảm “*một vụ mùa bội thu*” sắp tới.

Chúng con nhận ra ngay ảnh hưởng to tát của các Đấng thừa sai nhờ vào những nhân đức và đời sống thánh thiện trong việc làm cho lương dân trở lại. Cũng thế, chúng con ý thức rằng việc trở lại của lương dân bị chậm lại hay bị cản trở vì sự bất xứng và đầu óc trần tục của các sứ giả hoà bình. Một số tác giả có thể giá, đặc biệt là Joseph Acosta I, đã thẳng thắn nhận định : Các xứ truyền giáo vốn rất phồn thịnh, và đầy hứa hẹn đã tan biến vì lối cư xử bất xứng của một số thừa sai, hoặc vì cách truyền bá Tin Mừng đã đi ngược lại với chính sứ điệp Tin Mừng, hoặc do sự thiếu nhiệt tâm và thiếu hiểu biết của họ. Cũng thế, để những nơi được giao cho chúng con tránh được những tai họa như thế, chúng con mạo muội đưa ra một số ý kiến mà chúng con tin sẽ giúp tránh xa được những bất trắc sẽ xảy ra, những ý kiến này chúng con tóm gọn trong tập CHỈ DẪN. Do đó, trong tài liệu này, chúng con trình bày cách thức phải tránh những thói quen buông thả bằng cách sống các nhân đức tông đồ (chương I). Chúng con quan tâm đến việc cải thiện cách truyền bá Tin Mừng, dựa theo cách thức tuyệt diệu của Chúa Kitô và các Tông đồ (ch II, III và IV). Sau cùng, để đánh tan sự dốt nát, chúng con đã trình bày những bổn phận phải thực thi khi đi làm việc tông đồ nơi lương dân (ch V), nơi các dự tông (ch VI), nơi những ứng viên đã được tuyển chọn để lãnh nhận Phép Rửa (ch VII), nơi các tân tông (ch VIII), nơi các tín hữu đã được đào luyện (ch IX), nơi những thầy giảng sẽ được lãnh chức linh mục (ch X). Trong phần phụ lục, chúng con cũng thêm những ý kiến rất hữu ích liên quan đến cách giảng dạy cho có hiệu quả, hoặc những điều phải truyền đạt.

Khi Tòa Thánh sai chúng con đến miền Viễn Đông, thì mục đích và yêu cầu của Tòa Thánh là chúng con phải đào tạo những linh mục có khả năng trở thành những cột trụ của Giáo hội đang thành hình. Chúng con thiết tưởng rằng nên trình bày những tín điều chính của Kitô giáo, không phải làm cho qua chuyện nhưng đào sâu cách tối đa trong mức độ mà cuốn sách ngắn gọn này cho phép.

Do đó chúng con đã chứng minh chân Đạo và đang hiện hữu : đó là Đạo tôn thờ Thiên Chúa nhân từ và cao cả. Chúng con đề ra một quan niệm hay một ý tưởng về Thiên Chúa, thích ứng với tâm thức chung (chương V. tiết 1,2,3&4).

Thứ đến, chúng con đã chỉ ra sự cần thiết và sự hiện hữu của một Đấng Trung Gian Duy nhất là Đức Kitô, Chúa chúng ta. Chúng con cho thấy Lễ Luật mà Người loan báo không mới mẻ gì và thực ra không xa lạ với chân Đạo. “*Đạo của Chúa Kitô cần thiết cho sự cứu rỗi từ buổi tạo thiên lập địa*”. Lễ luật ấy chỉ là một sự bổ túc và là đỉnh chóp hoàn hảo mà ta không cần thêm thắt cũng như không có lý tưởng cao đẹp nào sánh bằng. (chương VI, tiết 3,4,5,6,7 và!)

Sau đó, chúng con đã cho thấy rằng chân Đạo vốn có một Giáo hội hữu hình, một tổ chức trật tự bao gồm mọi tín hữu, và Giáo Hội đó phải biểu hiện ra bằng những đặc tính và sắc thái rõ rệt. Cuối cùng, chúng con xác tín rằng chính Giáo Hội Rôma được phú cho những phẩm tính đó, khiến bất cứ ai sáng suốt và công minh đều phải nhận đây là Giáo Hội chân thật (ch VI, tiết 10 và 11).

Nếu các vị thừa sai và các thầy giảng luôn có trong tâm thức những tín điều này thì niềm tin của họ luôn được củng cố. Họ sẽ có sẵn trong tay phương thế để bảo vệ đức tin công giáo chống lại những nỗ lực quấy phá của quân thù. Thật ra, điều xác tín đầu tiên đủ để làm lung lay những sai lạc của kẻ ngoại đạo. Điều chứng minh thứ hai chống lại vô đạo của đạo Hồi, vạch ra sự ngu dốt của các triết gia, đề bẹp sự liêu lĩnh của các kẻ thù khác mang danh Kitô giáo. Cuối cùng, xác tín thứ ba cho thấy giáo hội Rôma, luôn gìn giữ đức tin, chăm sóc giảng dạy chân lý, phải được mọi người vâng phục, có khả năng đánh đổ

các giáo phái ly khai. Giáo hội còn vạch cho thấy các môn đồ các giáo phái này khi xa lìa đức tin và đức ái, thì sẽ đi xa lạc con đường cứu rỗi.

Kính thưa Đức Thánh Cha,

Chúng con phải nói đến điều sau cùng là điều chính yếu, nếu không sẽ là một thiếu sót trong tập Chỉ Dẫn này. Chúng con muốn nói đến uy danh của Đức Thánh Cha. Chắc hẳn nó sẽ có tác dụng mạnh mẽ, lôi kéo sự thán phục của mọi người đối với bản Chỉ dẫn, vốn được viết để đào luyện lòng đạo đức và sự nhiệt thành tông đồ. Được Đức Thánh Cha đỡ đầu, tập Chỉ dẫn này sẽ không có gì phải e sợ, chắc hẳn nó sẽ chiến thắng sự lầm lạc và đỗi bại.

Xin Đức Thánh Cha đỗi nhận lòng kính trọng của những đứa con thảo và xin Đức Thánh Cha ban phép lành Tòa Thánh cho chúng con.

Các đầy tớ hèn mọn và vâng phục của Đức Thánh Cha:

- François, Giám mục Héliopolis,
Giám Mục Tông Tòa Đàng Ngoài, v.v...
- Pierre, Giám mục Béryte,
Giám Mục Tông Tòa Đàng Trong, v.v...

TÂM THƯ GỬI CÁC THỪA SAI

*Fr. Xavier, nhờ ơn Thiên Chúa và lòng ưu ái của Tòa Thánh,
Giám mục Héliopolis, Giám mục Tông Tòa Đàng Ngoài,
Và Pierre, cũng hưởng nhờ các ơn trên,
Giám mục Béryte, Giám mục Tông Tòa Đàng Trong.*

Thân gửi các anh em trong Chúa, những người bạn chiến đấu và những cộng tác viên của chúng tôi, ân sủng và bình an trong Chúa Giêsu Kitô.

Chính tình yêu của Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, đã khiến anh em rời bỏ quê hương đi chinh phục các linh hồn cho Chúa Kitô và đến trợ giúp các tỉnh thành bị bỏ rơi. Cũng chính tình yêu này đòi buộc chúng tôi phải ân cần yêu mến anh em như những người cha, giúp anh em dễ dàng tiến bước để hoàn thành nhiệm vụ tông đồ hầu đem lại phần rỗi cho các linh hồn đã được giao phó.

Vì thế, sau khi đã tham khảo ý kiến những anh em đang có mặt, chúng tôi đã soạn thảo tập Chỉ Dẫn này, giúp anh em đạt được sự hoàn thiện tông đồ hoặc nhận biết những bổn phận phải chu toàn. Ước gì anh em luôn duy trì cùng một cách thức, giảng dạy đúng đắn và một lối sống đồng nhất, thánh thiện hơn. Anh em thân mến, hãy bắt tay vào việc để tỏ sự trung thành, hầu thực hiện lời thúc bách của thánh Tông đồ “Anh em hãy ân cần lo cho chính mình và toàn thể đoàn chiên mà Thánh Thần đã đặt anh em coi sóc” (Cv 20, 28).

Nếu anh em không cảnh tỉnh, anh em sẽ không nhận ra những thiếu sót trong việc chu toàn sứ vụ cách đúng mực, cũng như không thể phát huy những tài năng phi thường của anh em. Vì vậy: Anh em hãy giữ mình, bởi người tự bản chất xấu đâu có thể sinh được điều tốt cho người khác? Tiếp đến, anh em hãy lưu tâm đến đoàn chiên phải chăn dắt: Sự lớn mạnh của đoàn đi đôi với sự tăng trưởng lòng sốt sắng và đạo hạnh của anh em. Thực ra, đó cũng là nhiệm vụ tông đồ của các thừa sai khi huấn luyện và hoàn thiện những người khác, làm cho họ nên hoàn hảo thánh thiện hơn.

Đồng thời, nhân danh Thiên Chúa, chúng tôi nài xin anh em hãy tỏ ra xứng đáng với trọng trách trong mọi sự: Xem xét và suy gẫm kỹ càng điều mà chúng tôi viết (liên quan đến) về sự hoàn thiện của vị thừa sai. Cầu nguyện để am tường và dễ thực thi những điều đó trong nếp sống của anh em. Sau cùng, giữ mình đừng bao giờ thiếu sót. Về phần chúng tôi, cùng với Thánh Tông Đồ, chúng tôi nài xin Thiên Chúa là Cha Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta “thể theo sự phong phú của Người là Đấng vinh hiển, ban cho anh em được củng cố mạnh mẽ nhờ Thần Khí của Người, để con người nội tâm nơi anh em được vững

vàng. Xin cho anh em, nhờ lòng tin, được Đức Kitô ngự trong tâm hồn; xin cho anh em được bén rễ sâu và xây dựng vững chắc trên đức ái, để cùng toàn thể các thánh, anh em đủ sức thấu hiểu mọi kích thước dài rộng cao sâu, và nhận biết tình thương của Đức Kitô, là tình thương vượt quá sự hiểu biết. Như vậy anh em sẽ được đầy tràn tất cả sự viên mãn của Thiên Chúa.” (Ep 3, 16-19) – “Như thế, anh em sẽ trở nên trong sạch, không ai chê trách được điều gì, và sẽ trở nên những con người vẹn toàn của Thiên Chúa, giữa một thế hệ gian tà, sa đọa. Giữa thế hệ đó, anh em phải chiếu sáng như những vì sao trên vòm trời” (Pl 2,15) – Vì, “Không phải anh em đã chọn Thầy, nhưng chính Thầy đã chọn anh em, và cắt cử anh em để anh em ra đi, sinh được hoa trái, và hoa trái của anh em tồn tại, hầu tất cả những gì anh em xin cùng Chúa Cha nhân danh Thầy, thì Người sẽ ban cho anh em” (Ga 15,16).

Những chỉ thị cho các thừa sai với phần phụ lục, do lệnh của Thánh Bộ Truyền Giáo. Đã được đọc một cách kỹ lưỡng, hoàn toàn phù hợp với tinh thần tông đồ, xứng hợp với đức tin chính thống và hữu ích cho các linh mục đang làm việc trong các xứ truyền giáo vì phần rỗi lương dân.
Rôma, tại Tu viện Saint-Bernard aux Thermes, ngày 19 tháng 2 năm 1669.

D. Jean Bona,
Abbé de St-Bernard,
Et Consulteur de la Sainte Inquisition Romaine et Universelle.



Đức Cha
Pierre LAMBERT de la MOTTE



Đức Cha
François PALLU

Lời Tựa.

Chúc tụng Thiên Chúa là nhân từ, Người đã thương yêu chúng ta, Ngài đã không ngừng làm tiến triển công việc được giao phó cho chúng tôi. Trong khi vừa thoát khỏi bao cánh gian nguy, chúng tôi đã vội vã đi thăm các điểm truyền giáo vừa xa xôi vừa khác biệt; Người đã dun dùi cho tất cả chúng tôi được gặp nhau tại một nơi, vượt quá mọi ước mong của chúng tôi. Trong biến cố này, chúng tôi cũng cố gắng tìm ra ý định sâu xa của Chúa Quan Phòng, cũng như điều mà Đấng Tối Cao Thượng Trí đòi buộc chúng tôi. Chúng tôi dễ dàng nhận ra rằng không có gì hay hơn là rao khắp các vùng Á Châu sẵn có các tín hữu đã được dạy dỗ bằng nhiều phương thức thử nghiệm khác nhau. Mục đích là để nhận thức những điều thuận lợi, cũng như những điều cản trở trong công việc truyền bá Đức tin.

Trước hết chúng tôi phải tìm hiểu cặn kẽ hiện tình đạo Kitô và thấu hiểu những tệ nạn đang phát triển tại đó.

Tiếp đến, khi nhóm họp với các đồng sự, ưu tư đầu tiên của chúng tôi, theo lời thánh Tông Đồ gửi cho ông Timothê: *“Anh hãy thận trọng trong cách ăn nết ở và trong lời giảng dạy. Hãy kiên trì trong việc đó. Vì làm như vậy, anh sẽ cứu được chính mình, lại còn cứu được những người nghe anh giảng dạy.”* (1 Tm 4,16) phải là: ưu tư về phần rỗi của chính mình và phần rỗi của các thừa sai khác. Do đó, chúng tôi phải quyết định làm gì, tránh gì để khỏi phải rơi vào con đường xấu. Sau cùng, lấy những qui luật tông đồ làm kim chỉ nam, chúng tôi phải vạch ra đâu là phương cách đúng và tốt để truyền bá Đức Tin.

Chương I

Vị Thừa Sai Phải Tránh Mọi Sự Buông Thả

Tiết 1: Những cám dỗ chính mà các vị thừa sai gặp phải.

Kể từ khi xuất hiện ánh sáng đức tin ở Ấn Độ, các vị thừa sai tận tâm đã không ngừng ra sức truyền bá Tin Mừng, và luôn làm tròn sứ mạng. Nhưng dần dần, một số vị đã đánh mất sự nhiệt tình ban đầu hầu như không còn quan tâm đến những dân tộc được giao phó cho họ, rồi chẳng bao lâu sau, họ không quan tâm đến chính phần rỗi của mình nữa. Các sử gia vốn đã kể lại những điều kỳ diệu do thánh Fr. Xavier thực hiện trong lần đầu tiên ghé qua xứ Đông Ấn, thì chính họ cũng mô tả tình trạng đáng buồn này. Những trường hợp tương tự cũng đã xảy ra ở xứ Tây An : Acosta cũng đề cập đến những chuyện đó trong quyển sách của ông là Việc Trở Lại Đạo ở Ấn Độ. Cám ơn Chúa, những chuyện đó không còn tiếp diễn nữa.

Để ngăn ngừa những tai họa này, các vị thừa sai trên hết phải cố gắng tìm ra các căn nguyên của chúng. Chỉ cần để ý một chút thì sẽ nhận ra ngay các cám dỗ mà các thừa sai gặp phải cũng chính là những cám dỗ mà ma quỷ đã dùng để tấn công Thầy Chí Thánh trong sa mạc; sau này họ còn nhận ra việc rơi vào vực thẳm lại càng dễ dàng. Thật vậy, quá lo lắng cho thân xác và những sự dễ dãi không chính đáng đã dần dần làm suy yếu lòng yêu mến Thiên Chúa nơi nhiều vị khiến họ coi trọng xác thịt hơn tâm linh. Tính tự phụ đã kéo theo nhiều điều xấu khác: Việc tập tành nhân đức chưa xong, còn chưa có thể tự điều khiển được chính mình, vậy mà họ đã dám nhận chần dốt đàn chiên của Chúa Kitô. Đó chính là bắt đầu xây dựng mà không có tài nào hoàn tất. Tính ham hố cuối cùng cũng đã đưa đến những hậu quả tai hại: lòng tham vô đáy muốn chiếm hữu tất cả dẫn đến cuộc sống xa hoa và yếu nhược. Từ đó ta mới hiểu nét

xấu này đã biến những môn đồ thành tín của đức nghèo khó Tin Mừng, trở nên những nô lệ xấu xa của tiền bạc. Đó là cách thức dẫn đưa những tội tớ của Chúa Kitô đến chỗ phục vụ ma quỷ. Cho nên, vị thừa sai phải làm mọi cách để bẻ gãy mọi thứ vũ khí trên của ma quỷ. Nếu Chúa Kitô đã muốn đương đầu với những vũ khí của ma quỷ, chính là để dạy cho những tội tớ Ngài cách thức chiến thắng. Vậy nên họ phải suy gẫm cách nghiêm túc và thường xuyên những câu trả lời tuyệt vời của Đấng Cứu Thế, đã quật ngã quân thù cách quyết liệt: “*Con người không chỉ sống bởi cơm bánh, nhưng còn bởi Lời từ miệng Thiên Chúa phán ra*” (Mt 4,4). Ước gì các vị thừa sai qua đó học được cách sống từ Thiên Chúa bằng cầu nguyện và phó thác hoàn toàn vào Chúa quan phòng. Lại có lời chép rằng: “*Người chớ thử thách Chúa, Thiên Chúa của người*” (Mt 4,7). Ước gì người thừa sai không mơ tưởng cao xa, không tự cao tự đại, nhưng đặt trọn niềm tin vào quyền năng tuyệt đối của Đấng làm cho mình mạnh mẽ. Và cuối cùng: “*Xéo đi, Satan. Người phải bái lạy Chúa, Thiên Chúa của người và chỉ thờ lạy một mình Người*” (Mt 4,10). Cho nên, ước gì nhà thừa sai sẽ không thờ ơ những chuyện trên trời để buông trôi theo những chuyện dưới đất. Tóm lại, phải tránh những chuyện trần tục, chỉ ra ngoài vào những lúc và đến những nơi mà công việc bác ái đòi hỏi. Phải yêu mến đời sống cô tịch, chuyên cần cầu nguyện gẫm, nhiệt thành mãnh liệt, chỉ chú tâm đến phần rỗi các linh hồn; trong mọi sự phải tỏ ra là thừa tác viên xứng đáng của Thiên Chúa, giàu nhân đức, khiến trở thành một động lực thúc đẩy những vị thừa sai khác trong miền, hướng đến một đời sống hoàn hảo hơn.

Tiết 2: Tránh lo cho thân xác quá đáng.

Cần bàn kỹ hơn về các cám dỗ chính và những phương dược chữa lành, phải xem xét kỹ lưỡng những mưu mô và mảnh khoé của ma quỷ, để vạch ra phương cách chống lại. Lo cho thân xác quá đáng đã là khó coi với một Kitô hữu bình thường rồi, bởi vì phải sám hối không ngừng trong suốt cuộc sống trần gian. Vậy phải nhận định thế nào về sự đối nghịch giữa những lo toan này với tinh thần tông đồ? Thật vậy, chính Chúa Kitô đã hối thúc các tông đồ và những người kế vị phải có một đời sống khắc khổ hơn: “*Nếu ai muốn theo Ta thì hãy chối bỏ chính mình, vác lấy khổ giá mà theo Ta*” (Lc 9, 23).

Cũng vậy, không phải những kẻ tinh tế và nhàn hạ, nhưng là những người đánh cá thô kệch mà Người đã chọn làm tông đồ. Đó là những người thường phải can đảm chống chọi với những khó khăn, đối đầu với những thất thường của thời tiết, từ cái oi bức của nắng nóng tới cái giá lạnh của mùa đông và còn bao nhiêu nghịch cảnh, giữa muôn vạn hiểm nguy, vất vả mà họ đã biến thành niềm vui khiến họ ra sức cứu các linh hồn vốn đã được Chúa Kitô trả giá bằng máu.

Và thật vậy, nếu chúng ta quan sát sâu sắc hơn cuộc đời của chính Chúa Kitô và các Tông đồ, chúng ta sẽ không thể tìm thấy gì nghèo khó và khắc khổ hơn. Chúa Giêsu không có cả nơi gối đầu (Lc 9,58). Các thánh Tông đồ đi theo ngài đã bị con đói giày vò đến nỗi họ đã phải , vào ngày Sabat , bứt những gié lúa dọc đường! Chúng ta hãy lắng nghe lời thánh Phaolô: “*Cho đến giờ này chúng tôi phải đói, phải khát, mình trần thân trụi.v.v...*” (1 Cr 4,11). Nhưng hãy nhìn lại thời gần đây: Thánh Fr. Xavier, vị tông đồ vĩ đại của xứ Ấn Độ. Trong suốt cuộc đời ngài không ngừng ăn chay hãm mình. Thức ăn của ngài luôn luôn thanh đạm và dễ nấu, của bố thí hoặc là người ta mang đến cho Ngài; ăn uống đối với ngài không phải để thoả mãn khẩu vị, nhưng chỉ vì nhu cầu tự nhiên; ngài có thói quen chỉ ăn mỗi ngày một bữa và hầu như chỉ có một món.

Ma quỷ, đã từng biết rằng cuộc sống khắc khổ của các tông đồ thì bất lợi cho chúng, nên đã dùng trăm phương nghìn kế để làm các ngài thay đổi lối sống. Cũng thế, ma quỷ không chiêu dụ các ngài đi ngay vào một cuộc sống quá dễ dãi vì biết các ngài yêu mến thánh giá, nhưng chúng xoay hướng tấn công nhằm vào những công việc vất vả liên miên làm cho kiệt sức, vào những thay đổi thất thường của thời tiết, vào sự thiếu ăn, vào tất cả những gì con người tự nhiên thường sợ. Mặt khác, ma quỷ còn viện cớ thiếu nhân sự nên công việc truyền giáo của họ rất ích lợi và cần thiết. Rồi chúng khuyến dụ họ phải chăm lo sức khoẻ của mình nhiều hơn, làm việc chừng mực để từ đó dần dà lôi kéo các ngài đến sự buông thả.

Ước gì nhà thừa sai biết cảnh giác cùng với thánh tông đồ Phaolô sợ chính mình mất phần rỗi, nếu không hãm dẹp thân xác mình và không bắt nó từng phục mình, bằng cách này, ngài sẽ không giả điếc làm ngơ trước những mảnh khoé của ma quỷ; và, nhất mực tiếp tục lối sống đã được đào luyện.

Ước gì nhà thừa sai biết ghê sợ những thói tục quá dễ dãi của những vùng này và đừng lui tới những nhà tắm công cộng. Vị ấy sẽ tuyệt đối kiêng ăn trầu (Ăn Độ giống Việt Nam) trừ trường hợp từ chối bất lễ đối với dân bản xứ. Phải kiêng những món “*son hào hải vị*” và hãy dùng đồ ăn thức uống bình thường trong vùng. Cuối cùng, phải có thói quen ăn uống theo nhu cầu chứ không phải vì “*khoái khẩu*”.

Tiết 3: Về tính tự phụ và vinh quang phù phiếm.

Những người ma qui đã không thể cảm dỗ bằng của ngon vật lạ thì bị nó dụ dỗ bằng tính tự phụ và vinh quang phù phiếm. Những cái bẫy này xem ra có hiệu nghiệm hơn. Tính tự phụ thật ra là mặt trái của lòng nhiệt thành để làm sáng danh Thiên Chúa và lời chúc tụng Chúa phải đi đôi với nhân đức.

Cho nên đôi với các thừa sai, không gì nguy hiểm hơn là tính tự phụ và vinh quang phù phiếm. Thật vậy, chính tính tự phụ, đã biến Thiên Thần thành ma qui; khi tính tự phụ xâm nhập vào tâm hồn của vị thừa sai, nó liền phá hủy công trình của Thiên Chúa khiến vị này liều lĩnh mà không lường được sức của mình. Vinh quang phù phiếm tước đoạt rất nhanh phần thưởng chính đáng sau nhiều năm nỗ lực; đồng thời nó cũng cướp đi vinh quang thuộc về Thiên Chúa, làm cho ngài giận dữ vì ngài không nhường vinh quang cho một người nào khác.

Cho nên ma qui không nương nhẹ tay để làm cho vị thừa sai tiêm nhiễm những chất độc nguy hại này. Nếu ma qui đạt được mục tiêu, nó sẽ làm tan biến công trình và những nỗ lực của người thợ. Ma qui làm cho vị thừa sai loá mắt vì muốn làm cho Thiên Chúa và Đức Kitô được vinh quang hơn khi có một mùa gặt bao la các linh hồn và đem đạo Chúa Kitô đến khắp cùng trái đất. Tiếp đó, nó lắt léo làm cho ngài nghĩ rằng phải thừa cơ hưởng thụ những mối lợi về cả ân sủng lẫn vật chất. Và vị thừa sai bị mắc lừa sẽ lao vào quá nhiều công việc một cách bất cần. Dần dà, ngài sẽ bỏ bê những thực hành thường ngày của mình như cầu nguyện, xét mình, đời sống nội tâm; ngài sống hướng ngoại, không chu toàn bổn phận và hoàn toàn quên cả chính mình. Chẳng bao lâu sau, bị mất đi sự trợ giúp của ân sủng và nâng đỡ của Chúa Thánh Thần, ngài không thể chống đỡ trước những lôi cuốn của vinh quang phù phiếm và lập tức rơi vào tình trạng xáo trộn nghiêm trọng hơn: khinh rẻ mọi chuyện nhỏ, không vâng phục, chỉ màng đến những dự tính mờ mịt, và mơ tưởng những chuyện đại sự. Từ đó ta hình dung cách dễ dàng, ngài sẽ rơi xuống vực thăm âu lo, lầm lạc và tội lỗi.

Giữa những cơn sóng dữ dội của những cám dỗ này, chỉ một bến cảng duy nhất được mở ra cho vị thừa sai: Đó là bến cảng của lòng khiêm tốn. Vậy nên ước gì vị thừa sai chăm chỉ điều chỉnh nhiệt huyết của mình, không phải sự nhiệt thành mãnh liệt của mình hay là theo vẻ bề ngoài của những tài năng xuất chúng, nhưng là theo bổn phận cốt yếu mà tư cách nhà truyền giáo và lời hứa vâng phục đòi buộc. Ước gì ngài biết cân nhắc mọi điều theo gương chính Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta. Trong 33 năm mà Người đã sống ở thế gian, Người đã chỉ dành 3 năm cuối cùng cho việc rao giảng; người đã hạn chế hoạt động trong biên giới chật hẹp của miền Giuđêa, hiếm khi Ngài ở trong những thành phố lớn, nơi cư ngụ của các Vua Chúa và người quyền quý; Nhưng Người đã rảo khắp các làng và các thôn ấp loan báo Nước Thiên Chúa cho người nghèo. Ước gì vị thừa sai liệu chừng sức mình và khả năng mình không phải theo ý kiến loài người, nhưng theo sự phán xét của Thiên Chúa mà thôi, nếu đôi khi có thành công, ngài phải đoan chắc rằng đó là công trình, không phải của người trồng cũng không phải của người tưới, mà là của Đấng đã làm cho nó mọc lên. Vậy nên ước gì ngài biết qui mọi sự về một mình Thiên Chúa mà thôi. Ước gì ngài đừng bao giờ thực hiện điều gì mà không tham khảo Thiên Chúa trước. Ngài sẽ nổi bật bằng việc tự hạ và tôn vinh người khác. Ngài sẽ tránh những lời tán thưởng của người đời hoặc tốt hơn, hãy khiếp sợ chúng. Nếu bị người ta hiểu lầm, ngài sẽ phó thác tất cả cho Thiên Chúa, tự cho là hạnh phúc khi có dịp được chịu lắng nhục vì Chúa Kitô. Cuối cùng, khi ngài có dịp viết hoặc nói về những việc trở lại đạo, ngài sẽ chỉ dùng những lời này: “*Chúa đã thương ban cho bấy nhiêu linh hồn trở lại đạo*”. Ngài sẽ hết sức tránh đừng bao giờ có ý gán cho thụ tạo điều chỉ thuộc về Thiên Chúa.

Tiết 4: Về lòng ham mê của cải

Thánh tông đồ Phaolô thật là chí lý khi gán cho sự ham muốn của đôi mắt là nguồn gốc của mọi nét xấu. Thật vậy, không những bằng bản chất độc hại, nó phá hủy tinh thần khó nghèo của cuộc sống truyền giáo, nó còn là cái nôi nuôi dưỡng mọi thú đam mê khác. Sự ham muốn của đôi mắt đã làm sa hoả ngục

không biết bao nhiêu linh hồn, nó làm biến mất những xứ truyền giáo phồn thịnh nhất, nó phá đổ sự tuân thủ lề luật nơi các dòng tu thánh thiện và kỷ luật nhất. Không có thảm họa nào đã từng gây tai họa to lớn như thế. Vừa khi len lỏi vào tâm hồn nhà thừa sai, nó liền cướp đi sự bình an trong tâm hồn lẫn uy tín và ảnh hưởng của vị ấy. Thật vậy, vì hữu ích cho người khác, vị thừa sai được đón tiếp như người cha. Nhưng khi thấy ngài gắn bó với của cải trần gian, người ta đâm sợ ngài lợi dụng vị thế của mình để bòn rút mọi thứ. Trước đây người ta ca tụng ngài vì ngài không tha thiết gì với những của cải hay hư nát, bây giờ người ta trách ngài khi thấy ngài nô lệ cho lòng ham muốn vật chất; và chính ngài sẽ là lý hình tự trừng phạt mình bằng muôn vạn nỗi buồn phiền và lo lắng. Mất sự bình an trong lòng, cuối cùng ngài trở nên hết khả năng chuyên tâm phục vụ Chúa và cứu rỗi linh hồn.

Quả thật, không có thứ gì, mà Chúa Kitô lại nghiêm cấm khắt khe hơn là lòng ham muốn sở hữu và chiếm đoạt. Chính vì thế, Người đã chọn những người nghèo khó làm Tông Đồ hoặc là Người đã biến những kẻ tuyển chọn thành người nghèo khó. Người đã nói với những kẻ muốn theo Người hãy bán tất cả những gì mình sở hữu để chỉ còn tìm kiếm Nước Thiên Chúa bằng cách từ bỏ mọi lo lắng khác (Mt 19,27).

Đúng vậy, trong mọi thứ cám dỗ tấn công nhà thừa sai, chính lòng ham muốn này đặt nhà thừa sai vào tình trạng nguy hiểm nhất, vì nó dùng cái vẻ bề ngoài của nhân đức để che phủ cái xấu. Bởi kẻ bị lòng khát khao trên dày vò, thường cho việc tích trữ của cải là biết khôn ngoan tiên liệu; y lấy có phải đáp ứng nhu cầu trước mắt trong nhà, phải lo trang hoàng nơi thờ phượng, phải tổ chức lễ lạc. Như thế, y tự cho là không bao giờ thừa và không bao giờ đủ, dù những của dâng cúng người ta giúp y có đến mức nào đi nữa. Lòng tham của y vô đáy! Còn gì nữa? Y còn viện cớ phải truyền bá đạo Chúa, phải vận động các vua quan, phải dùng quà cáp để lấy lòng, phải làm cho dân chúng thần phục bằng vẻ hào nhoáng bên ngoài và phải bảo vệ phẩm giá của mình. Và rồi, cuối cùng chính y bị đưa đẩy cách thảm hại vào việc tích lũy của cải bằng những phương thế đáng khinh và bất chính.

Vị thừa sai sẽ dễ dàng vạch trần cám dỗ quái quỷ này và mau lẹ thoát khỏi mạng lưới của nó, nếu biết theo gương các thánh Tông đồ, từ bỏ của cải và chính mình (Mt 19,27) để theo Chúa Kitô nghèo khó. Ước gì ngài biết chọn sống thiếu thốn hơn dư thừa. Ước gì khi phó thác những âu lo và hi vọng của mình vào sự quan phòng của Thiên Chúa là Cha, ngài sẽ không lo lắng gì cho ngày mai. Cuối cùng, thà chết trong sự thiếu thốn hơn là sống trong sự dư dật.

Vậy thì, miễn là có ăn có mặc là hạnh phúc rồi. Mặc thì cho sạch, nhưng tránh xa hoa. Đừng tìm kiếm đồ đạc sang trọng, cũng đừng xây cất nhà cửa lộng lẫy, nhưng hãy sống đơn giản nghèo khó.

Khi trong nhà đủ dùng mà lại có người dâng cúng thì lo mà đem cho người nghèo.

Cuối cùng khi hoàn cảnh cho phép ngài hãy giao tiền bạc cho những người tín cẩn để hết tâm mà lo việc truyền giáo. Khi việc quản lý những của cải vật chất được giao phó cho những người khác như vậy, vị thừa sai sẽ được giải thoát khỏi bận bịu về những của cải, chỉ tùy thuộc vào một mình Thiên Chúa, và sẽ có thể cống hiến hoàn toàn cho sứ vụ cao quý và làm việc hết mình cho vinh quang Thiên Chúa và việc cứu rỗi các linh hồn.

Tiết 5: Về việc chuyên cần cầu nguyện

Điều xấu mà chúng ta vừa nói đến, đã hoành hành khắp cả Ấn Độ, đến mức mà ba lời Khấn Dòng, đáng ra phải là những liều thuốc hữu hiệu nhất, thì đã không thể giữ cho một số tu sĩ tránh khỏi những tổn hại bị thảm. Phải có một nguyên nhân tiềm ẩn của sự đòi truy này. Khi xem xét kỹ càng người ta nhận ra một nguyên nhân duy nhất: Sự lơ lửng tinh thần cầu nguyện trong những miền này đã lên đến mức báo động như lời tiên tri Giêrêmia: *“Cả xứ đã ra cần cỗi, mà không người để tâm lo đến”* (Gr 12,11). Một chân lý tuyệt đối: Tinh thần cầu nguyện thì cần thiết và hiệu nghiệm chống lại mọi thứ cám dỗ. Chính Chúa Giêsu Kitô đã tuyên bố điều đó cách dứt khoát, khi Ngài nói: *“Hãy tỉnh thức và cầu nguyện kẻo sa chước cám dỗ”* (Mc 14,38). Nếu đó là mệnh lệnh mà Chúa Giêsu Kitô Chúa chúng ta đã ban cho chính các Tông đồ, chúng ta lại càng không có lý do để nói rằng người thừa sai truyền giáo lại không cần lương thực hằng ngày là sự cầu nguyện để nuôi dưỡng! Nếu ngài chểnh mảng không tự nuôi sống bằng thứ lương thực đó, ngài sẽ phải bị suy yếu ngay trên đường nhân đức. Nguyện gẫm là nguồn và là đầu của mọi nhân đức. Nó dạy ta biết hãm mình; giống như một tấm gương bắt ta thấy, cả những vết nhơ nhỏ nhất trong tâm hồn. Và khi chúng ta cố gắng tránh những vết nhơ này cách nghiêm chỉnh, thì chắc chắn ta sẽ

không rơi vào những tội nặng hơn. Có nhiều cách thức nguyện gẫm: cầu nguyện bằng lời – bằng tâm tình – hay bằng chiêm niệm. Sau đây là cách cầu nguyện có lẽ thích hợp (1) nhất cho nhà thừa sai: Tâm hồn điều hoà những tiếng động não nhiệt của lý trí và con tim, không mãi mê lý sự, cũng không để tình cảm chi phối, nhưng đặt mình trước mặt Thiên Chúa như một kẻ ăn xin (2), như một thụ tạo yêu mến Tân Lang của mình.

Nhưng tinh thần cầu nguyện sẽ chỉ được ban cho ai cậy dựa vào ơn Chúa và chính Người sẽ còn gọi ra cho mỗi người con đường phải theo. Vậy nên điều quan trọng là vị thừa sai phải chú tâm xem xét mình theo cách nào trong ba cách nêu trên. Hạnh phúc cho ai khi cầu nguyện không bị lệ thuộc những tạo vật khác, không thuộc về mình nữa, nhưng phó thác hoàn toàn trong tay Thiên Chúa, để rồi không phải kẻ ấy sống nữa, nhưng chính là Chúa Kitô sống trong kẻ ấy; cũng không phải kẻ ấy hành động, nhưng là Thiên Chúa hành động qua kẻ ấy; đến nỗi mà kẻ ấy không hành động theo xác thịt, nhưng theo sự thúc đẩy của Thần Khí.

Vẫn biết rằng, tất cả cuộc sống của nhà thừa sai phải là một sự cầu nguyện liên li, và phải gắn bó từng giây phút với Thiên Chúa, nhưng mỗi ngày cần dành ra một thời gian nhất định để thờ lạy Thiên Chúa: Ít ra là hai tiếng, đúng theo luật được áp dụng cho phần đông các tu sĩ thừa sai, và theo thói quen còn giữ đến nay nhờ những vị nhiệt tình làm tròn bổn phận tông đồ. Thế nên đừng bao giờ bỏ với bất cứ lý do nào sự thực hành bổ ích này, trừ khi có sự bó buộc chính đáng hay vì bác ái. Ngay cả ở thời đại chúng ta, không thiếu gì những sứ giả Tin Mừng, hết lòng hiến dâng, như các thánh Tông đồ, cho việc cầu nguyện và rao giảng. Ban ngày nếu bận rộn và mệt nhọc không có thời gian để cầu nguyện thì ban đêm họ kiếm cách bù đắp lại, và như thế, họ cảm thấy hạnh phúc hơn khi ban ngày đã hoàn toàn dùng thời giờ để làm vinh danh Thiên Chúa. Còn ban đêm họ không ngừng tạ ơn Vị Hôn Phu trên trời. Nếu phải so sánh với người đời vốn thích ăn chơi thâu đêm suốt sáng, thì những Linh mục gương mẫu trên có thua kém gì. Cách làm này đã rất quen thuộc với Đức Giêsu Kitô, với các thánh Tông đồ, với các nhà truyền giáo và đặc biệt với Thánh Cả Fr. Xavier, như chúng ta đọc biết trong tiểu sử của ngài, ngài đã rất thường cầu nguyện thâu đêm.

Chương II

Những Đòi Hỏi Trong Công Việc Tông Đồ

Tiết 1: Phải tĩnh tâm khi đến xứ truyền giáo

Nếu mỗi lo lắng của các vị thừa sai phải là cứu rỗi những người được giao phó cho mình, không bao giờ tự cho phép mình một phút nghỉ ngơi, thì họ cũng phải tránh nhiệt tình thái quá, khi vừa đến xứ truyền giáo. Họ không bắt tay vào những công việc lớn lao như thế trước khi được chuẩn bị kỹ càng, theo gương Chúa Giêsu Kitô Chúa chúng ta. Người là Đấng đầy Thánh Thần ngay từ lúc chào đời. Lẽ ra Ngài đã có thể hoán cải cả thế giới khi Chúa Cha tôn vinh Ngài là bậc thông thái của muôn dân, tuy nhiên, dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần, Ngài đã lui vào sa mạc để chuẩn bị hơn là sứ vụ Ngài (Mt 4,1).

Mặt khác, thái độ này cần được bắt chước không để ca tụng, do đó cũng cần nên xem xét những tấm gương của quá khứ cũng như hiện tại. Các thánh tông đồ đã sống ba năm theo học Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, vậy mà Người truyền cho họ chỉ được rao giảng Tin Mừng sau một thời gian tĩnh tâm ở phòng Tiệc Ly, cho đến khi nhận được sức mạnh từ trên cao.

Thánh Gioan, người tiền hô của Chúa Giêsu, mặc dù đã được chúc phúc ngay trong lòng mẹ, cũng đã lui vào nơi hiu quạnh của sa mạc cho đến ngày ngài xuất hiện công khai. Ở đó, ngài đã sống một cuộc sống hoàn toàn thân thiêng, trước khi xuất hiện dọn đường cho Đấng Cứu Thế (Lc 1,80). Ở thời kỳ gần với chúng ta hơn, thánh Fr. Xavier đã lui vào những nơi hoang vắng, nơi núi cao để kín múc ở đó một tinh thần mới và chuẩn bị ở đó, để dâng lên Thiên Chúa hoa trái đầu mùa qua việc hi sinh và hiến thân cho sự nghiệp truyền giáo của ngài. Cuối cùng, các thừa sai cũng cảm khác, khi đến miền truyền giáo, đã giữ đời sống thâm lặng cho đến khi dân chúng nhận ra những nhân đức sáng chói của các ngài và tự động tìm đến với các ngài. Chỉ đến lúc đó các ngài mới trình bày cho họ giáo lý Tin Mừng: Do đó vị thừa sai phải ý thức rằng mình không có công trạng, cũng không nhân đức gì so với các thánh rao giảng Tin Mừng này, và biết mình cũng bất tài trong công việc của người tông đồ, nếu phải lui vào nơi hiu quạnh trước khi hành động, như vậy ngài sẽ không liều mình ban phát ân sủng để rồi làm thiệt hại chính mình, và làm hỏng tất cả vì hành động không đúng lúc và chưa tìm ý Chúa.

Vậy nên, ngay khi vị thừa sai đặt chân đến xứ truyền giáo sẽ được giao phó cho mình, ngài mau mắn đưa mắt nhìn lên Chúa Giêsu Kitô Chúa chúng ta, Người Mực Tử, để được chúc phúc. Và khi hoàn cảnh cho phép, ngài sẽ rút lui để tĩnh tâm hầu tích lũy những nhân đức cần thiết, ngài sẽ dâng lên Chúa Kitô các linh hồn được giao phó cho ngài, và đem hết mình dạy dỗ họ, ngài vui sướng vì đã đổ công sức chăm lo cho các linh hồn, và có thể một ngày nào được đổ máu mình nữa.

Tiết 2: Nền tảng của công việc rao giảng đặt trên chay tịnh cầu nguyện khinh chế những phương tiện thuận tụy trần thế

Như vậy, vị thừa sai tìm thấy trong tinh thần khổ chế và cầu nguyện một phương cách hoàn thiện cho chính mình, thì cũng chính những phương thức ấy sẽ giúp ngài làm việc có hiệu quả hơn trong việc cứu rỗi và thánh hoá kẻ khác. Kinh nghiệm hàng ngày cho ta thấy mọi thứ đều thuận lợi cho những ai truyền giáo bằng đời sống khổ chế và cầu nguyện, đồng thời kinh nghiệm cũng dạy ta thiếu những nhân đức

này, mọi sự sẽ tan thành mây khói, do đó ta có thể kết luận rằng đời sống khổ chết và cầu nguyện là nền tảng chính yếu của việc truyền giáo.

Quý vị có muốn một lý lẽ rõ ràng hơn và ấn tượng hơn không? Chúng ta hãy theo Chúa Giêsu, Chúa đang chuẩn bị sứ vụ trong sa mạc. Vừa tách mình khỏi đám đông Ngài đã hành xác vô tội của ngài bằng những cuộc chay tịnh và khổ chế, và Ngài chuyên tâm tinh thức và cầu nguyện. Chính đó là gương để lại cho các nhà rao giảng Tin Mừng, hầu họ lấy đó làm nền tảng rao giảng.

Chắc hẳn, vị Tông đồ chỉ trưởng thành qua vất vả và khổ hạnh và mang lại những hoa quả tốt đẹp làm vinh danh Thiên Chúa, như lời thánh tông đồ: *“Sự chết hoạt động nơi chúng tôi, còn sự sống thì lại hoạt động nơi anh em”* (2 Cr 4,12). Dường như ngài muốn nói: sự chết xâm chiếm thân xác hay chết của chúng ta, nhưng cái chết hàng ngày của chúng ta làm cho chúng ta tái sinh ở cuộc sống thần thiêng. Nếu hạt lúa mì không rơi xuống đất và không chết đi, nó vẫn trơ trọi một mình. Cũng vậy, đối với vị thừa sai: nếu trước tiên ngài không chết cho chính mình bằng khổ chế để sống cho Thiên Chúa và cho tha nhân, chắc hẳn, ngài sẽ bị cô lập và không sinh hoa trái. Nếu trước khi gieo Lời Tin Mừng, chưa cầu nguyện để làm sa xuống từ trời làn sương tuyết diệu của Thiên Chúa, cánh đồng truyền giáo của ngài sẽ khô cằn.

Vị thừa sai thật ra chỉ là một dụng cụ bình thường của Thiên Chúa. Cho nên ngài chỉ có thể sinh lợi khi nhờ vào cầu nguyện để hợp nhất với Đấng đã hồi thúc và trợ lực ngài lên đường. Thật vậy, làm sao ngài có thể hiểu được danh hiệu *“được sai đi”*, nếu vị thừa sai không lắng nghe tiếng của Đấng phái ngài đi? Làm sao ngài có thể thực hiện ý Chúa nếu ngài không đủ khả năng tìm ra trong cầu nguyện? Làm sao ngài có thể làm nhiệm vụ người trung gian giữa Thiên Chúa và loài người, nếu ngài không biết cách giao hòa các thụ tạo với Đấng Tạo Hoá bằng lời cầu nguyện? Làm sao ngài có thể sửa dạy các con chiên nếu ngài không lĩnh hội sự khôn ngoan của Thiên Chúa từ nguồn mạch chiêm niệm? Cuối cùng, nếu không có cầu nguyện, làm sao ngài vượt qua được mọi khó khăn, ngoài sức con người, bản chất tự nhiên con người này phải ăn nhịp với tác động của Chúa Thánh Thần, bằng đời sống khổ hạnh? Cho nên, phải nhận rằng hai nhân đức kể trên là hai đức tính nòng cốt của vị thừa sai và của sứ vụ.

Cho nên vị thừa sai, để thanh tẩy mình khỏi mọi vết nhơ, hãy cùng Môsê tháo giày ra trong nơi hiu quạnh, phải cởi bỏ con người cũ cùng mọi quyền luyến xác thịt, phải chế ngự thân xác mình bằng chay tịnh và bắt nó phải phục tùng tinh thần bằng sự khổ chế, và bắt tinh thần phải tùng phục Thiên Chúa bằng cầu nguyện. Như vậy ngài sẽ xứng đáng được đàm đạo với Thiên Chúa, và để Người trao ban lề luật mà sau đó ngài sẽ làm cho các dân tộc phải tuân giữ.

Còn về việc khinh chê những phương tiện thuận tuý trần thế, có vô số điều phải nói, và vì tầm quan trọng của nó đến nỗi mà để rút ra mọi kết quả mong muốn, sẽ phải bàn một cách chi tiết. Thiết tưởng cần dành cả một chương tiếp theo.

Tiết 3: Vị thừa sai phải chuẩn bị chống lại ma quỷ

“Kỳ dư, anh em hãy phấn chấn mạnh mẽ trong Thiên Chúa, trong sức oai hùng của Ngài. Hãy mặc lấy giáp binh của Thiên Chúa, để anh em có thể đứng vững trước những mưu chước của ma quỷ. Vì chúng ta không phải chiến đấu với phàm nhân, nhưng là với những quyền lực thần thiêng, với những bậc thống trị thế giới hắc ám này, với những thần linh ác quái chốn hoành thiên” (Ep 6,10-12).

Những lời trên của thánh tông đồ rõ ràng là trước tiên nói với các nhà thừa sai, để cảnh giác họ rằng ma quỷ là những kẻ thù không thể giải hoà bậc nhất. Chính vì chúng hiểu rằng nỗ lực của các nhà thừa sai sẽ lấy mất của chúng cái vương quyền của chúng trên thế gian và khôi phục triều đại của Chúa Kitô trong lãnh địa của chúng. Thánh tông đồ Phaolô trong đoạn trích trên, lo lắng với tư cách là lãnh đạo cao hơn dạy dỗ các nhà truyền giáo biết vận dụng những vũ khí thích hợp nhất, để tự bảo vệ cũng như để tấn công kẻ thù của mình, như thế nhằm để làm cho chiến thắng hoàn toàn chắc chắn.

Sức mạnh của ma quỷ. Trước đây đã bị bẻ gãy nhờ cuộc tử nạn của Chúa Kitô, chỉ còn lại với chúng như vũ khí là sự xảo trá và mưu mẹo. Mặc dù mưu mẹo của chúng thì nhiều, dầu vậy ta có thể tóm tắt chúng lại thành hai thứ: Ảo tưởng và đe dọa. Chính bằng ảo tưởng mà chúng thường cám dỗ những kẻ dốt nát, những kẻ đơn giản, những kẻ tò mò, những kẻ kiêu ngạo, tóm lại là mọi kẻ không biết tự giữ chính mình bằng sự chú ý không hề giảm sút. Và chính bằng đe dọa mà chúng hăm dọa và tác động đến kẻ nhút nhát, những kẻ nhát gan, những kẻ hèn nhát, tóm lại là mọi kẻ mà vinh quang Thiên Chúa, việc cứu rỗi người khác, việc cứu rỗi chính mình cũng không thể lay chuyển như đáng ra phải như thế. Đó là lý do tại sao

thánh Phaolô cổ vũ các thánh tông đồ cầm lấy trong mọi cơn cám dỗ, tâm khiên Đức Tin (Ep 6,17), mà nhờ ánh sáng đức tin các ngài sẽ nhận biết và vạch trần tinh thần hão huyền của những ảo tưởng ma quỷ. Thánh Phaolô còn cổ vũ họ đội mũ cứu rỗi (Ep 6,16) nghĩa là đội mũ hi vọng; như thế, nhờ vực chính mình và phó thác hoàn toàn vào Thiên Chúa, các ngài sẽ coi thường các hình nộm của Satan, sự bình tĩnh của các ngài sẽ bẻ gãy những cố gắng của con quái vật. Các ngài sẽ khinh rẻ những đe dọa của chúng, sẽ tựa vào những sự trợ giúp trên trời và sẽ chống cự lại sự sợ hãi với những nỗ lực tận cùng.

Được vũ trang như thế, vị thừa sai mới có thể chống lại ma quỷ. Nhưng để thắng chúng cách tốt hơn, vấn đề là phải tấn công; thánh tông đồ Phaolô như vậy đã có lý khi chỉ ra lưỡi gươm tinh thần, nghĩa là Lời của Thiên Chúa (Ep 6,17). Thật vậy, không gì bằng Lời Chúa để bẻ gãy những nỗ lực của ma quỷ : vừa khi chúng nghe được Lời Chúa, sự chán nản và sự mắc cỡ xâm chiếm chúng và chúng bỏ trốn. Những Lời Thánh Thiêng của Kinh thánh kể lại quyền lực của Chúa Giêsu Kitô Chúa chúng ta, thì cũng như chùng ấy mũi tên bắn hạ quyền lực của ma quỷ và bắt chúng phải chịu những đau khổ và những tra tấn mới, trong một thất bại thảm hại. Tuy nhiên, cũng không thiếu những vũ khí thiêng liêng khác. Thánh Antôn gợi ý cho chúng ta, khi ngài khích lệ các bạn bè của ngài như thế này: *“Hãy tin tôi, bởi những người anh em của tôi, Satan sợ hãi sự tĩnh thức của những người sùng đạo, những sự cầu nguyện của họ, sự ăn chay của họ, sự khó nghèo tự nguyện của họ, lòng nhân từ và sự khiêm tốn của họ, nhưng nhất là tình yêu mãnh liệt đối với Chúa Giêsu Kitô Chúa chúng ta: Chỉ một dấu Thánh Giá đã đón ngã chúng và làm chúng trốn chạy”* (Lect. Du 2e Noct. De L’off.)

Tuy nhiên, trước khi vị thừa sai được trang bị lưỡi gươm thiêng liêng, lao vào đấu trường việc cần thiết là ngài phải khoác lên người áo giáp công lý (Ep 6,14) cho phép ngài đánh được mà không bị quân thù đánh lại. Bởi nếu quân thù thấy được nơi đối phương tật xấu nhỏ nhất hay là sự thiếu vắng các nhân đức nhỏ nhất, nó sẽ không bỏ lỡ mà không tấn công kẻ tấn công nó, ăn miếng trả miếng với đối phương và làm cho vũ khí của chính đối phương quay lại chống anh ta.

Một khi đã mặc áo giáp công chính, mang sẵn chiếc khiên Đức tin và chiếc mũ sắt của sự cứu rỗi, được trang bị lưỡi gươm thiêng liêng và lại càng tự tin hơn nữa khi mưu mô ma quỷ đã được mình biết nhiều hơn, khi người lính dũng cảm của Chúa Kitô khai mạc công cuộc truyền giáo của mình bằng những lời tuyên chiến can đảm chống lại ma quỷ; khi ngài nện cho chúng những cú đấm mạnh mẽ của những nhân đức và lời cầu nguyện của ngài; khi ngài quấy rối chúng bằng những mũi tên của Thánh Kinh. Sau cùng, khi ngài đuổi chúng về vương quốc bóng tối của chúng những kẻ chiếm đoạt gia tài của Đức Giêsu Kitô: những quyền lực hoả ngục phải ngừng quấy phá các xứ truyền giáo, gây phiền nhiễu những người đã trở lại hoặc sẽ trở lại bằng những trò quỷ ám của chúng; hoặc ngăn cách họ bằng những mối khiếp sợ là những đe dọa.

Khi vị thừa sai chuẩn bị giảng đạo, ngài sẽ đọc một mình công thức trừ quỷ để xua đuổi chúng và biến những cuộc tấn công của chúng trở thành vô tác dụng, ngài sẽ ngăn cản chúng bóp nghẹt giọng ngài trong suốt buổi giảng đạo, bịt tai và khẹp lòng những người nghe, hay là trộn lẫn cổ lũng vào hạt giống tốt là Tin Mừng được loan báo.

Cuối cùng, nếu một ngày nào đó xảy ra cho ngài phải có việc cần giải quyết với những kẻ bị quỷ ám, ngài sẽ tuân thủ cẩn thận mọi hướng dẫn trong sách nghi lễ của Giáo Hội. Sau đây thêm vài lời khuyên mà ngài còn có thể dùng cách có lợi : ngài sẽ không lao vào loại cuộc chiến này mà không cảnh giác chính mình và không tràn đầy lòng tin tưởng vào Thiên Chúa; ngài sẽ không thể đẩy lùi những lời nguyện rủa của ma quỷ bằng những lời khinh bỉ, nhưng bằng những cử chỉ rất khiêm tốn, kiên nhẫn, khoan dung và nhẫn nhục; dầu cho sự chống cự của ma quỷ có mãnh liệt đến đâu, tuyệt nhiên ngài sẽ không bao giờ đánh mất hi vọng chiến thắng. Tóm lại ngài đừng đặt ra một câu hỏi quá tò mò và vô ích nào.

Liên quan đến ma quỷ, đừng để nó được phép nói năng tùy thích. Nếu nó nói mà không được mời, những lời nó nói như thế sẽ đều đối trá, nhất là khi những lời nói đó có tính chất phỉnh nịnh. Còn nếu ma quỷ than phiền về những cơn đau vò của nó, với tư cách nó là kẻ thù truyền kiếp của Thiên Chúa, cảm không cho nó được hưởng sự thương hại nào; nếu xảy ra trường hợp nó xui khiến những người bị quỷ ám làm những điều tui hổ, thì phải trừng phạt nó rất nghiêm khắc.

Đối với những người bị quỷ ám, ngài sẽ cổ vũ họ kiên nhẫn, ăn năn trong lòng, biết chịu đựng, ngài sẽ tránh làm họ dao động hoặc làm họ tức giận bằng những cử chỉ hoặc lời nói. Khi ngài chữa trị cho họ, ngay cả trong lúc giải tội, ngài sẽ cố gắng phân biệt điều gì từ họ mà ra và điều gì từ ma quỷ, và khi có sự

nghe, ngài sẽ truyền cho nó im lặng ngay lập tức. Cuối cùng, khi họ đến xin xưng tội, ngài sẽ mời họ bắt đầu xưng tội bằng việc ăn năn tội theo cách này, giả sử mà buổi xưng tội của họ ngộ xảy ra là bị quấy rầy bởi thủ đoạn của ma quỷ, thì ngài dầu sao cũng có thể xá tội cho họ.

Tiết 4: Cát công tìm hiểu hiện trạng nơi chốn truyền giáo

Kinh nghiệm về những nơi chốn của vị thừa sai chuẩn bị thi hành sứ vụ dường như là một trong những chìa khoá thành công của ngài tại xứ truyền giáo. Vậy nên khi vừa cắm phòng xong, ngài cố gắng hết sức để tìm hiểu tình trạng của nơi truyền giáo. Cũng như đối với người trồng trọt, việc quan trọng là tìm biết bản chất của khu đất, để cày bừa vào thời gian thích hợp và gieo trồng giống nào cho phù hợp, thì cũng vậy vị thừa sai có bổn phận làm từng việc vào thời gian thuận tiện, phải nghiên cứu cá tính của những dân tộc mà ngài phải gieo vãi và làm cho nảy mầm hạt giống Tin Mừng.

Cho nên ngài sẽ nghiên cứu cặn kẽ phong tục địa phương và các sở thích của dân chúng. Ngài sẽ xem xét coi dân chúng có sẵn sàng đón nhận đức tin và có đủ vững vàng trung thành với đức tin ấy không; họ có khả năng tập tành nhân đức không, hay họ chỉ mãi mê dâm dăng; ngài sẽ tìm kiếm đức tính được ca tụng nhất nơi họ hoặc thói xấu nổi bật nhất nơi họ; ngài sẽ lo đến điều có thể đóng góp nhiều nhất trong việc làm cho các tâm hồn gắn bó với ngài. Ngài sẽ tìm hiểu đặc biệt về thái độ của vua chúa đang cai trị : hoặc có lợi hoặc là chống lại đạo Chúa; qua đó ngài sẽ phán đoán nên hoạt động ở trong bóng tối hoặc nên xuất hiện công khai thì thích hợp.

Ngài sẽ cố gắng khám phá mọi thứ liên quan đến tôn giáo của dân địa phương, những nghi lễ và những sai lầm phổ biến nơi họ, ngài sẽ tìm hiểu về kiến thức khoa học của các thầy cúng, về cách thức hành động của họ, về uy tín họ có được nơi dân chúng, về những trò bịp bợm và những mưu mẹo của họ; cách thận trọng, ngài sẽ tìm kiếm thử xem giữa những ông thầy đó, có người nào đó có nếp sống rất gần với cách sống mà đạo Kitô đòi hỏi. Phải lưu ý ngọn đuốc đức tin đã được mang đến những trung tâm chính của các xứ truyền giáo trước đây rồi. Từ đó, có lý do chúng ta tìm hiểu kỹ thời kỳ mới du nhập đạo, lịch sử xuất phát, những phương thức được các đấng thừa sai dùng để củng cố ngọn đuốc đức tin và chủ yếu những người đã thành công nhất; cuối cùng nếu có sự gián đoạn trong việc phát triển các xứ truyền giáo, thì lý do là gì và lúc đó cách ứng xử của các thừa sai ra sao?

Về tình hình hiện tại của xứ đạo, ngài sẽ tìm hỏi số tín hữu, số nhà thờ, số thừa sai và Thầy giảng, về cách sống và dạy dỗ của họ, về những qui chế Giáo Hội hiện hành nơi đó, về những qui chế chưa được ban hành, về qui chế bị vi phạm hoặc đã bị huỷ bỏ do tập quán đặc biệt.

Hơn nữa, ngài sẽ tìm hiểu chính quyền dân sự, nhưng với sự đúng mức mà sự việc đòi hỏi để hướng dẫn cộng đoàn của mình, lợi thế của Giáo Hội và việc thi hành đều đặn của chức vụ tông đồ. Nhưng vì với những việc trên, vấn đề cũng khá dồi dào, ngài chỉ cần, lúc đầu, biết những nét lớn là được rồi.

Tiết 5: Việc học ngôn ngữ thì rất cần thiết cho các thừa sai

Chúa Giêsu Kitô Chúa chúng ta đã không sai các thánh Tông đồ đi rao giảng Tin Mừng khắp thế gian mà không trước tiên ban cho các ngài ơn nói các thứ tiếng (Cv 2,4). Điều đó rõ ràng cho thấy sứ vụ rao giảng kéo theo sự cần thiết học các thứ tiếng, bởi vì Thiên Chúa, trong sự khôn ngoan của Ngài, đã muốn rằng đức tin lan truyền bằng phương thức rao giảng. Thật vậy, *“Ấy vậy, tin là do bởi đã được nghe, còn nghe là nhờ việc rao giảng Lời Đức Kitô”* (Rm 2,17). Dù cho việc học tiếng có gian khổ thế nào, thì các vị thừa sai, phải thực hiện nó cách vui vẻ, ngài sẽ không sinh ra uể oải trong sự trợ lý giống như những kẻ khiếp sợ do khó khăn, cứ đứng không và vô ích, giữa mùa gặt, do không biết tiếng. gương thánh Fr. Xavier cho thấy khá rõ: ngay cả khi được sự trợ giúp của người thông dịch khéo nhất, vị thừa sai cũng ít thành công, nếu chính ngài không tinh thông ngôn ngữ của xứ đó (Tursel., Vita S.Fr. Xav., lib. 7, c. 2).

Cho nên, vị thừa sai sẽ không chán mà phải chuyên chú vào công việc này, bao lâu mà sự cần thiết đòi hỏi. Và ngài sẽ không được quên là ngài chỉ nhằm vào việc học ngôn ngữ bác học và văn chương đến mức mà sao những ngôn ngữ bình dân được quảng đại dân chúng sử dụng, ngài phải làm cho, không chỉ những nhà thông thái mà cả những người thất học cũng có thể hiểu ngài nói. Trong toàn bộ việc này, và lại, ngài sẽ phải trông chờ nhiều hơn vào sự cầu nguyện hơn là chính việc học của mình.